

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Công văn số 7005/UBND-STMT ngày 10 tháng 12 năm 2024 về Nghị quyết chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 238/BC-ĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Danh sách các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo thẩm quyền (hiện nay theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều

chính, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

2. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều của thành phố sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chưa có đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở hoặc không còn đất ở, nay có nhu cầu về đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc hỗ trợ về đất đai phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt; phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất tại địa phương; phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa gắn với địa bàn sinh sống và hoạt động sản xuất.

2. Trong cùng một thời điểm nếu có nhiều chính sách hỗ trợ giống nhau từ nhà nước về đất đai thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

3. Các cá nhân chưa có hoặc không còn loại đất nào thì được hỗ trợ đối với loại đất đó.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất đai

1. Hỗ trợ đất đai lần đầu đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

a) Hỗ trợ 100% tiền sử dụng đất khi giao đất ở trong hạn mức theo quy định của UBND thành phố;

b) Hỗ trợ 100% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND thành phố khi chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở;

c) Hỗ trợ 100% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND thành phố khi công nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014;

d) Hỗ trợ 100% tiền thuê đất khi được thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở theo hình thức trả tiền hàng năm để trực tiếp sản xuất, kinh doanh.

Trường hợp đã thoát nghèo, thoát cận nghèo thì không còn được hưởng chính sách hỗ trợ tiền thuê đất.

2. Hỗ trợ đất đai lần đầu đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ có mức sống trung bình sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

a) Hỗ trợ 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND thành phố khi chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở;

b) Hỗ trợ 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND thành phố khi công nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014;

3. Hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố đã được Nhà nước giao đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất ở hoặc thiếu đất ở so với hạn mức theo quy định của UBND thành phố thì được hỗ trợ 100% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND thành phố khi công nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định pháp luật đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2014.

4. Việc hỗ trợ tiền sử dụng đất cho diện tích theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất nhưng không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định của UBND thành phố trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Quỹ đất và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai.

a) Đất để thực hiện chính sách hỗ trợ được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 tại địa phương có đối tượng hưởng chính sách.

b) Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định đảm bảo mục tiêu và nội dung của Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, kịp thời báo cáo, trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố kết quả thực hiện tại các Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2024. / *hnt*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện;
- HĐND xã, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Ngô Xuân Thắng